

Bản án số: 232/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến.

Bà Phạm Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 461/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1984; cư trú tại: K4, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Dương Thành Kh, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp TL, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Dương Thành Kh chung sống năm 2000, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường cãi nhau nên đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh Kh nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Dương Thị Anh Th, sinh ngày 13/10/2001 và Dương Hoài Kh, sinh ngày 01/01/2006. Đối với Anh Th đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con; đối với Hoài Kh hiện

đang sống cùng anh Kh. Khi ly hôn chị yêu cầu giao Hoài Kh cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Chị L xác định không có.

- Anh Dương Thành Kh trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn, thời gian ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân là đúng. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung như chị L trình bày là đúng. Sau khi ly hôn anh thống nhất tiếp tục nuôi Dương Hoài Kh, không yêu cầu chị L cấp dưỡng; đối với Dương Thị Anh Th đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ: Trong quá trình chung sống anh và chị L không có nợ ai, người khác không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 16/9/2020 chị Lê Thị L và anh Dương Thành Kh có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh Kh.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy rằng: Chị L và anh Kh chung sống năm 2000, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân chị L và anh Kh đều xác định là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Việc chị L yêu cầu được ly hôn với anh Kh, được anh Kh đồng ý. Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, mặc dù chị L và anh Kh thống nhất thuận tình ly hôn nhưng Hội đồng xét xử không công nhận việc thuận tình ly hôn của anh, chị mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh Kh là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị L yêu cầu giao cháu Dương Hoài Kh, sinh ngày 01/01/2006 cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Xét yêu cầu này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Kh tại biên bản ghi nguyện vọng con chung ngày 16/9/2020, ý kiến của anh Kh cũng thống nhất với yêu cầu của chị L, đồng ý tiếp tục nuôi Hoài Kh. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Hoài Kh cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị L và anh Kh xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình: Chị L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị L và anh Dương Thành Kh.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Hoài Kh, sinh ngày 01/01/2006 cho anh Kh được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Không buộc chị Lê Thị L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu là 300.000 đồng. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0011038 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi, chị Luận đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Luận và anh Kha có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai

